

Số: 01 /TTr-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH
V/v xin ý kiến biểu quyết
tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

Kính gửi: Quý vị cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn;
Căn cứ các tài liệu đã trình Đại hội đồng cổ đông,

Hội đồng quản trị đề xuất và đệ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
3. Báo cáo tài chính năm 2017 kiểm toán;
4. Kế hoạch kinh doanh năm 2018;
5. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018;
6. Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2017 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018;
7. Tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và Kế hoạch năm 2018;
8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán để soát xét, kiểm toán các BCTC năm 2018;
9. Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

(Kèm theo các nội dung chi tiết)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung nêu trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chủ động triển khai cụ thể các nội dung đã được thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Nhân

CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN BIỂU QUYẾT

(Kèm theo Tờ trình số 01/TTr-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2018

V/v xin ý kiến biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)

Nội dung 1.

Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị *(Báo cáo kèm theo)*

Nội dung 2.

Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát *(Báo cáo kèm theo)*

Nội dung 3.

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN CO.,LTD)

(Báo cáo tài chính năm 2017 kèm theo)

Một số nội dung chính của Báo cáo tài chính năm 2017

- Tài sản và Nguồn vốn

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		373.494.843.706	410.163.185.915
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		98.424.867.114	206.270.871.997
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.155.879.485	117.028.735.941
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	92.124.314.209	64.668.200.605
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		64.789.782.898	22.195.377.372
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		966.825.838.949	446.405.284.744
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		204.000.000	165.200.000
II.	Tài sản cố định	220		732.306.227.191	376.594.354.908
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.10	14.531.787.141	2.873.442.685
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	188.904.297.705	43.366.420.132
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		30.879.526.912	23.405.867.019
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.340.320.682.655	856.568.470.659

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		828.628.164.934	350.251.822.700
I.	Nợ ngắn hạn	310		620.945.391.106	332.590.815.342
II.	Nợ dài hạn	330		207.682.773.828	17.661.007.358
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		511.692.517.721	506.316.647.959
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.20	511.692.517.721	506.316.647.959
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		503.100.000.000	503.100.000.000
2.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	1.991.689.774
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		400.709.318	-
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.191.808.403	1.224.958.185
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.340.320.682.655	856.568.470.659

II. Kết quả kinh doanh năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.961.393.089.516	1.582.373.187.218
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	110.806.263.899	95.814.580.176
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.850.586.825.617	1.486.558.607.042
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	1.714.745.106.548	1.414.868.551.930
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		135.841.719.069	71.690.055.112
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	280.806.908	1.832.945.586
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	1.941.473.625	383.180.445
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.868.746.352	383.180.445
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	90.132.859.310	62.591.645.871
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	47.755.864.386	22.881.781.961
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.707.671.344)	(12.333.607.579)
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	18.851.398.447	15.280.249.262
12.	Chi phí khác	32	VI.07	4.008.270.070	1.348.889.104
13.	Lợi nhuận khác	40		14.843.128.377	13.931.360.158
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.135.457.033	1.597.752.579
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.943.648.630	372.794.394
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.191.808.403	1.224.958.185
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	163	16
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	163	16

Nội dung 4. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2018

Căn cứ kết quả SXKD năm 2017, với thực lực hiện có cùng với việc xem xét, đánh giá các yếu tố thuận lợi, khó khăn sắp tới, Hội đồng quản trị xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2018 như sau:

+ Tổng doanh thu: **2.029,544** tỷ đồng, tăng 8,55% so với thực hiện năm 2017; trong đó doanh thu vận tải là 1.780,0 tỷ đồng, tăng 9,9% so với năm 2017.

+ Sản lượng: Tấn.Km tính đổi tăng 10% so với thực hiện năm 2017

+ Lợi nhuận sau thuế: **10** tỷ đồng.

Nội dung 5. Thông qua kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch, danh mục đầu tư phát triển năm 2018 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nguồn và hạng mục đầu tư	Vốn khấu hao TSCĐ năm 2018	Vốn vay cho các dự án đầu tư	Tổng Cộng
1	2	3	4	5 = 3+4
I	Nguồn sử dụng năm 2018:	143.197,63	145.000,00	288.197,63
1	Kế hoạch trích KH TSCĐ năm 2018	140.028,21	0,00	140.028,21
2	Số chuyển tiếp còn lại từ 2017 sang 2018	0,00	0,00	0,00
3	Bổ sung nguồn KH năm 2018 cho các DA 2017 còn thiếu	-7.480,96	0,00	-7.480,96
4	Chênh lệch số trích khấu hao: Số thực tế 2017 tăng so KH 2017	1.772,74		1.772,74
5	Chênh lệch số trả nợ gốc các dự án: Số KH 2017-thực tế 2017	8.467,65		8.467,65
6	Thu hồi vốn của các dự án dừng thực hiện	410,00	0,00	410,00
7	Dự kiến vay ngân hàng cho dự án năm 2018	0,00	145.000,00	145.000,00
II	Kế hoạch sử dụng năm 2018	143.064,42	145.000,00	288.064,42
1	Trả nợ gốc các dự án vốn vay	26.464,42	0,00	26.464,42
	<i>Dự án đầu tư mới 30 toa xe 2016</i>	<i>11.797,75</i>		<i>11.797,75</i>
	<i>Dự án đầu tư mới 30 toa xe 2017</i>	<i>14.666,67</i>		<i>14.666,67</i>
2	Trả Tổng công ty ĐSVN mua lại thiết bị WC trên toa xe khách (năm thứ nhất)	14.400,00		14.400,00
3	Các dự án chuyển tiếp & bổ sung vốn 2018	60.300,00	0,00	60.300,00
4	Các dự án đầu tư mới năm 2018	41.900,00	145.000,00	186.900,00
	<i>Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải</i>	<i>1.300,00</i>		<i>1.300,00</i>
	<i>Dự án đầu tư về toa xe (30 toa xe khách TH3 và 50 toa xe Mc)</i>	<i>40.000,00</i>	<i>145.000,00</i>	<i>185.000,00</i>
	<i>Công trình kiến trúc</i>	<i>600,00</i>		<i>600,00</i>
III	Còn lại dự phòng (I) –(II)	133,21	0,00	133,21

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai các bước lập dự án, quyết định phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án theo đúng các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng; đảm bảo khả năng vay - trả; chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư dự án, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông.

Nội dung 6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

STT	Nội dung	Tỉ lệ	Giá trị (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2017		8.191.808.403
II	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017	100,00%	8.191.808.403
1	Quỹ đầu tư phát triển	14,72%	1.206.000.000
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	14,64%	1.199.280.000
3	Quỹ khen thưởng Người quản lý	1,85%	151.808.403
4	Chia cổ tức	68,78%	5.634.720.000
III	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (I-II)	0,00%	0

Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ: **1,12%**

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

STT	Nội dung	Tỉ lệ	Giá trị (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế năm 2018		10.000.000.000
II	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018	100,00%	10.000.000.000
1	Quỹ đầu tư phát triển	12,27%	1.226.750.000
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	12,27%	1.226.750.000
3	Quỹ khen thưởng Người quản lý	0,00%	0
4	Chia cổ tức	75,47%	7.546.500.000
III	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	0,00%	0

Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ: **1,5%**

Nội dung 7. Thông qua tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2018

1. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017 của HĐQT và BKS:

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức lương, thù lao thực hiện 2017	Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017
I	Hội đồng quản trị				1.562.400.000
1	Thành viên (Đại diện phần vốn)	2,5	12	30.000.000	900.000.000
2	Thành viên (không đại diện phần vốn)	2	12	27.600.000	662.400.000
II	Ban Kiểm soát				388.800.000
1	Trưởng ban KS	1	12	27.600.000	331.200.000
2	Kiểm soát viên (*)	2	12	2.400.000	57.600.000
	Tổng cộng (I+II)				1.951.200.000

2. Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018 của HĐQT và BKS

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức lương, thù lao kế hoạch năm 2018	Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018
I	Hội đồng quản trị				1.183.992.000
	Thành viên (Đại diện phần vốn)	2	12	26.500.000	636.000.000
	Thành viên (không đại diện phần vốn)	2	12	22.833.000	547.992.000
II	Ban Kiểm soát				331.596.000
	Trưởng ban kiểm soát	1	12	22.833.000	273.996.000
	Kiểm soát viên (*)	2	12	2.400.000	57.600.000
	Tổng cộng (I+II)				1.515.588.000

(*): Kiểm soát viên không chuyên trách

3. Chi trả tiền lương, thù lao

Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

- Xây dựng quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng để thực hiện trả lương, thù lao, trả thưởng cho các thành viên HĐQT, BKS và những người quản lý khác;
- Quyết định mức lương, thù lao cụ thể hàng tháng nhưng tối đa không vượt tổng mức tiền lương, thù lao trên.
- Xác định mức lương, thù lao của những Người quản lý khác của Công ty (Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng) trên cơ sở mức lương, thù lao của HĐQT và BKS, bảo đảm cân đối hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật.

Nội dung 8: Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét, kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2018 (*Tờ trình của BKS kèm theo*)

Ban Kiểm soát đề xuất danh sách tổ chức kiểm toán độc lập sau đây (03 đơn vị) và đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán trong danh sách này để kiểm toán và soát xét các BCTC năm 2018:

1) Công ty TNHH Kiểm toán BDO

Địa chỉ: Tầng 20, toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

2) Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN CO.,LTD).

Địa chỉ: 29 Hoàng Sa, Phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội: Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội.

3) Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES Co., Ltd)

Địa chỉ: 33 Phan Văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Nội dung 9: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ,

Tuân thủ quy định của pháp luật, trên cơ sở tham chiếu Phụ lục 02 (Mẫu dàn ý Quy chế nội bộ về quản trị công ty) ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017 và thực tế, đặc điểm trong tổ chức hoạt động, quản trị, điều hành của Công ty, Hội đồng quản trị đã dự thảo *Quy chế nội bộ về quản trị công ty* phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nội dung chi tiết của Dự thảo Quy chế đã được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ <http://www.saiگونrailway.com.vn> cùng với các tài liệu khác của kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 để quý vị cổ đông nghiên cứu trước khi họp.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua, giao Hội đồng quản trị hoàn chỉnh toàn văn và ban hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung nêu trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chủ động triển khai cụ thể các nội dung đã được thông qua.



Nguyễn Đức Nhân